

Bản án số: **151/2026/DS-ST**

Ngày: 09/4/2026

“V/v Chia thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Hà**

2. Ông Vũ Minh Long

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Hồng Hà** – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Cao Đức Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp về chia thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXX-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Thị Kim O**, sinh năm 1960

Nơi cư trú: **Số E phố G, phường B, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Hoàng Trung T**, sinh năm 1988, nơi cư trú: **Tổ A phường B, thành phố Hà Nội** (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2025)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trịnh Thanh H, sinh năm 1974

2.2. Chị Hà Thanh Vân A, sinh năm 1992

2.3. Anh Hà Đức A1, sinh năm 2002

Cùng cư trú tại: **Nhà số A, ngách F N, phường V, thành phố Hà Nội.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hà Thị Kim T1**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: **Tổ A, phường B, thành phố Hà Nội**

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thanh T2** và ông **Bùi Tuấn A2** – Luật sư văn phòng Luật sư **Bùi Đình Ư** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H**. Địa chỉ: **Số B N, phường B, TP .**

(Anh **T** có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Kim O do anh Hoàng Trung T làm đại diện trình bày:

Cha mẹ bà O là cụ Hà Văn M, chết năm 2017 và cụ Đàm Thị V, chết năm 2021. Cụ M và cụ V sinh được 04 người con, gồm:

- Ông Hà Văn S, chết năm 2025 (theo Giấy chứng tử số 113/2025 ngày 10/09/2025 do UBND phường B, TP. cấp)

- Bà Hà Thị Kim O, sinh năm 1960

- Ông Hà Đức H1, sinh năm 1962, chết năm 2025. Ông H1 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ là bà Trịnh Thanh H, sinh năm 1974, chị Hà Thanh Vân A, sinh năm 1992, anh Hà Đức A1, sinh năm 2002.

- Bà Hà Thị Kim T1, sinh năm 1970

Tại Quyết định số 30/QĐDS-ST ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã công nhận sự thỏa thuận của những người thừa kế theo pháp luật của cụ M, cụ V như sau:

Di sản thừa kế của cụ Hà Văn M và cụ Đàm Thị V để lại chỉ còn: 01 nhà 3 tầng xây dựng năm 2001 trên thửa đất tại địa chỉ nhà số B tổ A phường N, quận L, TP. thuộc tờ bản đồ số 62, thửa số 18-3, diện tích 157m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 548 QSDĐ/QĐ/1845 do UBND quận L cấp ngày 02/12/2004, đứng tên chủ sử dụng: Hộ gia đình ông (bà) Hà Văn M.

Các đương sự thống nhất xác định cụ Hà Văn M và cụ Đàm Thị V chết không để lại di chúc.

Các đương sự thống nhất xác định: Hàng thừa kế của cụ Hà Văn M và cụ Đàm Thị V gồm: Ông Hà Văn S, bà Hà Thị Kim O, ông Hà Đức H1 và bà Hà Thị Kim T1.

Bà Trịnh Thanh H, chị Hà Thanh Vân A và anh Hà Đức A1 xác định ông Hà Đức H1 chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế của ông H1 là bà Trịnh Thanh H, chị Hà Thanh Vân A và anh Hà Đức A1.

Các đương sự thống nhất chỉ đề nghị Tòa án phân chia đất còn nhà và các công trình xây dựng trên đất các đương sự không đề nghị xem xét giá trị để giải quyết.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của cụ Hà Văn M và cụ Đàm Thị V cụ thể như sau:

+ Trích công sức duy trì khối di sản của cụ M và cụ V cho ông Hà Văn S là 07m2 đất trị giá 770.000.000 đồng, tương đương 4,46%

Phần di sản còn lại là 150m2 đất trị giá 16.500.000.000 đồng tương đương 95,54% được chia chung cho các con của cụ Hà Văn M và cụ Đàm Thị V, cụ thể:

+ Ông Hà Văn S được chia 37,5m2 đất. Cộng với phần công sức duy trì khối di sản thì ông Hà Văn S được hưởng tổng cộng là $07m2 + 37,5m2 = 44,5m2$.

+ Bà Hà Thị Kim O được chia 37,5m2 đất

+ Ông Hà Đức H1 được chia 37,5m2 đất

+ Bà Hà Thị Kim T1 được chia 37,5m2

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Hà Văn S; bà Hà Thị Kim O, ông Hà Đức H1 và bà Hà Thị Kim T1 được quyền sử dụng chung 157m2 đất và toàn bộ các công trình trên đất thuộc tờ bản đồ số 62, thửa số 18-3, diện tích 157m2 tại tổ A phường N, quận L, Thành phố Hà Nội. (Diện tích 157m2 đất kích thước giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,1 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo quyết định). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 548/QSDĐ/QĐ/1845 do UBND quận L cấp ngày 02/12/2004, đứng tên chủ sử dụng: Hộ gia đình ông (bà) Hà Văn M.

Quyền sử dụng đất của Ông Hà Văn S; bà Hà Thị Kim O, ông Hà Đức H1 và bà Hà Thị Kim T1 được chia theo phương thức sở hữu chung theo phần, theo đó tỷ lệ sở hữu, sử dụng của mỗi bên như sau:

Ông Hà Văn S được quyền quản lý, sử dụng với tỷ lệ 44,5m2

Bà Hà Thị Kim O, ông Hà Đức H1 và bà Hà Thị Kim T1 mỗi người được quyền quản lý, sử dụng với tỷ lệ 37,5m2 đất.

Các đương sự thống nhất xác định hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông (bà) Hà Văn M vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 548/QSDĐ/QĐ 1845 do UBND quận L cấp ngày 02/12/2004 hiện ông Hà Văn S đang quản lý.

Ông Hà Văn S; bà Hà Thị Kim O, ông Hà Đức H1 và bà Hà Thị Kim T1 có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quyết định này.

Ông Hà Đức H1 chết ngày 21/01/2025. Bà Trịnh Thanh H, chị Hà Thanh Vân A và anh Hà Đức A1 là những người được hưởng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ phần của ông Hà Đức H1.

Do đó, ông Hà Văn S là người có quyền sử dụng, quản lý tài sản là thửa đất có diện tích 44,5 m2 (Bốn mươi bốn phẩy năm mét vuông) nằm trong tổng diện tích

157 m² (Một trăm năm mươi bảy mét vuông) tại địa chỉ tại: **Tổ A, phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội)** theo “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự” số: 30/2025/QĐST-DS ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên do mắc bệnh hiểm nghèo nên ngày 29/5/2025, bằng ý chí của mình ông **Hà Văn S** đã lập di chúc có sự chứng kiến của **Văn phòng T3**, nội dung chính của di chúc như sau: Sau khi tôi chết thì em gái tôi là: Bà **Hà Thị Kim O** có toàn quyền thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thực hiện việc nhận di sản được thừa kế theo Di chúc này đối với thửa đất có diện tích 44,5 m² (Bốn mươi bốn phẩy năm mét vuông) nằm trong tổng diện tích 157 m² (Một trăm năm mươi bảy mét vuông) tại địa chỉ tại: **Tổ A, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội**.

Ngày 09/9/2025, ông **Hà Văn S** qua đời, tuy nhiên do không thỏa thuận được với nhau về việc khai nhận thừa kế giữa các hàng thừa kế nên bà **O** đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông **Hà Văn S** theo di chúc. Công nhận di chúc của ông **Hà Văn S** về việc để lại di sản là diện tích 44,5m² đất nêu trên cho bà **Hà Thị Kim O** là hợp pháp, bà **Hà Thị Kim O** là người được hưởng toàn bộ di sản của ông **S** và được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng họ không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, anh **Hoàng Trung T** – Người đại diện theo uỷ quyền của bà **Hà Thị Kim O** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án công nhận di chúc của ông **Hà Văn S** lập ngày 29/5/2025 về việc để lại di sản là diện tích đất 44,5m² nằm trong thửa số 18-3, tờ bản đồ số 62, diện tích 157m², địa chỉ tại **tổ A phường N, quận L, Thành phố Hà Nội (nay là phường B, Thành phố Hà Nội)** cho bà **Hà Thị Kim O** là hợp pháp.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành và thực hiện tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự còn bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 630, 631, 632, 634 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận Bản di chúc do ông **Hoàng Văn S1** lập ngày 29/5/2025 là hợp pháp. Bà **Hà Thị Kim O** được hưởng thừa kế theo di chúc ngày 29/5/2025 của ông **Hà Văn S** đối với di sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 44,5m² nằm trong thửa đất số 18-3, tờ bản đồ số 62, diện tích 157m², địa chỉ tại **tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội)**. Về án phí: Bà **Hà Thị Kim O** được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Hà Thị Kim O** khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông **Hà Văn S** để lại là quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà **Trịnh Thanh H**, chị **Hà Thanh Vân A** và anh **Hà Đức A1** cùng trú tại **phường V, thành phố Hà Nội** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xác định như sau: Ông **Hà Văn S** chết năm 2025 (theo Giấy chứng tử số 113/2025 ngày 10/09/2025 của **UBND phường B, TP .**). Ông **S** có cha đẻ là cụ

Hà Văn M, chết năm 2017 (theo trích lục khai tử số 105/TLKT ngày 28/11/2017 của UBND phường N, quận L, TP.) và mẹ đẻ là cụ Đàm Thị V, chết năm 2021 (theo trích lục khai tử số 101/TLKT-BS ngày 06/02/2021 của UBND phường N, quận L, TP.). Ông S không có vợ, con và cũng không có bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông S không còn ai. Ông S có 03 em ruột gồm: Bà Hà Thị Kim O. Ông Hà Đức H1, chết năm 2025. Ông H1 có vợ là bà Trịnh Thanh H và có 02 con đẻ là chị Hà Thanh Vân A và anh Hà Đức A1. Và bà Hà Thị Kim T1. Ngoài ra, không còn anh chị em ruột hoặc nuôi nào khác.

[4] Về di sản thừa kế:

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 30/2025/QĐST-DS ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội) xác định được di sản thừa kế ông Hà Văn S để lại là diện tích đất 44,5m² trong khối tài sản chung của ông Hà Văn S, bà Hà Thị Kim O, ông Hà Đức H1 và bà Hà Thị Kim T1 là thửa số 18-3, tờ bản đồ số 62, diện tích 157m², địa chỉ tại tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội).

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Xét “Di chúc” ngày 29/5/2025:

Về hình thức: Di chúc được lập bằng văn bản đánh máy, có 02 người làm chứng là ông Hoàng V1 và ông Bùi Ngọc A3. Ông Hoàng Văn S1 đã điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng. Những người làm chứng đã ký và điểm chỉ vào bản di chúc. Những người làm chứng không thuộc trường hợp không được làm chứng cho việc lập di chúc theo Điều 632 Bộ luật dân sự.

Về nội dung: “...Sau khi tôi chết thì em gái tôi là: Bà Hà Thị Kim O có toàn quyền thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thực hiện việc nhận di sản được thừa kế theo Di chúc này đối với thửa đất có diện tích 44,5 m² (Bốn mươi bốn phẩy năm mét vuông) nằm trong tổng diện tích 157 m² (Một trăm năm mươi bảy mét vuông) tại địa chỉ tại: Tổ A, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội...”. Theo yêu cầu của ông S1, “Di chúc” ngày 29/5/2025 đã được Văn phòng T4 vi bằng số 342/2025/VB-TPLHT ngày 29/5/2025 có chữ ký và điểm chỉ của hai người làm chứng. Căn cứ vi bằng số 342/2025/VB-TPLHT ngày 29/5/2025 nêu trên, ông S1 tự nguyện trong việc định đoạt tài sản của mình cho bà O, thời điểm lập di chúc ông S1 tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Ngoài ra, ông S1 không có bản di chúc nào khác. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến gì đối với bản di chúc của ông **S1** để lại.. Do đó, đủ cơ sở xác định di chúc của ông **Hà Văn S** là hợp pháp theo quy định tại Điều 630, Điều 631 và 634 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[5.2] Về người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc: Ông **Hà Văn S** có bố đẻ là **Hà Văn M** chết năm 2017 và cụ **Đàm Thị V**, chết năm 2021 đều chết trước ông **S**. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ không có thông tin, hay tài liệu chứng minh ông **S** có vợ, có con chưa thành niên, có con thành niên nhưng không có khả năng lao động nên xác định ông **S** không có người thừa kế không phụ thuộc không phụ thuộc vào di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, di sản của ông **S** được chia theo di chúc.

[5.3] Chia thừa kế theo di chúc:

Theo “Di chúc” ngày 29/5/2025, ông **Hà Văn S** để lại toàn bộ di sản thừa kế của ông là diện tích đất 44,5m² nằm trong thửa đất số 18-3, tờ bản đồ số 62, diện tích 157m², địa chỉ tại **tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội)** theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2025/QĐST-DS ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội) cho bà **Hà Thị Kim O**, nên xác định bà **Hà Thị Kim O** là người được hưởng di sản. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xác định cho bà **Hà Thị Kim O** được hưởng thừa kế theo Di chúc ngày 29/5/2025 của ông **Hà Văn S** đối với diện tích đất 44,5m² nằm trong thửa số 18-3, tờ bản đồ số 62, diện tích 157m², địa chỉ tại **tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội)** theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2025/QĐST-DS ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội). Hình dạng, kích thước tổng thể phần diện tích đất của ông **S** để lại chưa được xác định do các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này. Đối với nhà và các công trình xây dựng trên đất các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Bà **Hà Thị Kim O** có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai biến động quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Luật Người cao tuổi và căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tại thời điểm xét xử, bà **Hà Thị Kim O** đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ các điều 630, 631, 632, 634 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hà Thị Kim O** đối với các bị đơn bà **Trịnh Thanh H**, chị **Hà Thanh Vân A**, anh **Hà Đức A1** về việc chia thừa kế.

2. Công nhận Di chúc do ông **Hoàng Văn S1** lập ngày 29/5/2025 có sự chứng kiến và xác lập vi bằng số 342 ngày 29/5/2025 của **Văn phòng T3** là hợp pháp.

3. Bà **Hà Thị Kim O** được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông **Hoàng Văn S1** theo di chúc là diện tích đất 44,5m² nằm trong diện tích 157m² tại thửa số 18-3, tờ bản đồ số 62, địa chỉ **tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội)** theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2025/QĐST-DS ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội).

Bà **Hà Thị Kim O** có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai biến động quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Kim O được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vãng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP.Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh Loan